

Số: 155/2019/QĐST-HNGĐ

Bá Th^oớc, ngày 28 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 123/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Đặng Quốc T, sinh năm: 1986

Trú tại: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa;

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1988

Trú tại: Phố Đ, xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Đặng Quốc T và chị Nguyễn Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về hôn nhân: Anh Đặng Quốc T và chị Nguyễn Thị H tự nguyện thống

nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn.

* **Về con chung:** Anh Đặng Quốc T và chị Nguyễn Thị H có 01 con chung là cháu Đặng Quỳnh A, sinh ngày 19/7/2017. Hai bên đương sự tự nguyện thống nhất thỏa thuận khi ly hôn giao cháu Đặng Quỳnh A cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, anh Đặng Quốc T cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), bắt đầu từ tháng 11/2019 cho đến khi cháu Đặng Quỳnh A đủ 18 tuổi.

Anh Đặng Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, ngăn cấm nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

* **Về tài sản và công nợ:** Tài sản chung, tài sản riêng của vợ chồng, tài sản người ngoài nợ vợ chồng, vợ chồng nợ người ngoài các đương sự tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Về án phí:** Các đương sự tự nguyện thống nhất thỏa thuận anh Đặng Quốc T chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng án phí anh phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh đã nộp tại biên lai thu số: AA/2018/0005150 ngày 09/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- UBND xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trương Văn Sừng

